TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 13-8-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Hiệp.

2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt: Cty TNHH MTV) Vạn Hưng Đ.**

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Võ Quốc T**, sinh năm 1984 – Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp Z, thị trấn Phú L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2019.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Văn T (3 T)**, sinh năm 1966 (có mặt).

2.2. Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ánh: Ông **Lê Văn T (3 T)**, sinh năm 1966 – đồng bị đơn trong vụ án.

Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2019 của nguyên đơn Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ và lời khai tại Tòa án của đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Năm 2015, Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ có bán vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị A, việc mua bán có lập sổ theo dõi. Đến ngày 11/02/2017, giữa Công ty và ông T chốt nợ thì ông T thừa nhận còn nợ công ty số tiền 32.937.000 đồng (gồm 02 khoản, ngày 04/12/2016 nợ 21.422.000 đồng và ngày 11/02/2017 nợ 11.515.000 đồng), hai bên có lập biên nhận nợ ông T ký tên và cam kết ngày 01/8/2019 sẽ trả trước 10.000.000 đồng, phần còn lại trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, từ khi chốt nợ đến nay bị đơn không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện Cty TNHH Vạn Hưng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà A liên đới hoàn trả tiền còn nợ là 32.937.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày chốt nợ 11/02/2017 đến ngày khởi kiện tiền lãi là 18.589.642 đồng (lãi 1,66%/tháng x 34 tháng), tổng cộng vốn lãi là 51.526.642 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đồng ý trừ số tiền bị đơn đã trả 10.000.000 đồng vào tiền lãi, số còn lại yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn.

Tại biên bản lấy khai ngày 21/5/2020 của bị đơn ông Lê Văn T và lời khai tại Tòa án ông T trình bày:

Ông thừa nhận năm 2016 vợ chồng ông có mua nợ vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật của Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ, đến năm 2017 thì chốt nợ vợ chồng ông còn thiếu lại công ty số tiền 32.937.000 đồng, sau khi chốt nợ ông ký tên vào biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp, thỏa thuận lãi 3%/tháng và có thỏa thuận đến ngày 01/8/2019 sẽ trả trước 10.000.000 đồng, đến ngày 24/5/2018 ông có trả được cho công ty 10.000.000 đồng vốn, do ông Võ Quốc T Giám đốc công ty viết biên nhận. Nay đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 32.937.000 đồng nhưng yêu cầu trừ đi số tiền đã trả 10.000.000 đồng vào vốn, đồng ý tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 22.937.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 22.937.000 đồng từ ngày hai bên chốt nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng xin trả trong 03 năm thì dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn 32.937.000 đồng, trừ 10.000.000 đồng bị đơn đã trả vào một phần lãi và

vốn tính theo quy định pháp luật từ ngày chốt nợ 11/02/2017 đến ngày 24/5/2018, số vốn còn lại tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử lãi suất theo quy định pháp luật. Án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

[2.1] Các đương sự đều trình bày, năm 2016 vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị A có mua nợ vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu của Cty TNHH MTV Vạn Hưng Đ, đến ngày 11/02/2017 hai bên chốt nợ, tổng số tiền 32.937.000 đồng, có làm biên nhận và ông T có ký tên vào biên nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận.

[2.2] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ 51.526.642 đồng (vốn 32.937.000 đồng, lãi 18.589.642 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trừ đi số tiền bị đơn đã trả 10.000.000 đồng vào tiền lãi. Trong khi, bị đơn ông T trình bày số tiền 10.000.000 đồng đã trả là tiền vốn và yêu cầu được cấn trừ vào vốn còn nợ, đồng ý tiếp tục trả cho bị đơn số tiền 22.937.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, xin trả trong 03 năm đến khi dứt nợ.

[2.3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng, nguyên đơn trình bày số tiền bị đơn trả 10.000.000 đồng ngày 24/5/2018 là tiền lãi và đồng ý cấn trừ tiền lãi cho bị đơn, trong khi bị đơn trình bày là tiền vốn nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn có xuất trình một biên nhận thể hiện nội dung "24.5.2018 T có nhận 10.000.000 (mười triệu đồng chẵn)", nội dung biên nhận không thể hiện là tiền vốn hay lãi, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Võ Quốc T không thừa nhận là tiền vốn. Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ nên phải trả lãi trên số vốn còn nợ là phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xem đây là tiền lãi mà bị đơn đã trả nên cần cấn trừ vào tiền lãi trên vốn gốc 32.937.000 đồng tính từ ngày 11/02/2017 đến ngày 24/5/2018, nếu dư sẽ được trừ tiếp vào nợ gốc.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên vốn gốc còn nợ 32.937.000 đồng, tính từ ngày 11/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020 tương đương 42 tháng, mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi là 22.963.676 đồng, tổng vốn và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 55.900.676 đồng. Xét thấy, việc mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên thỏa thuận này là cao so với quy định pháp luật. Do giao dịch mua bán phát sinh

từ năm 2016, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, áp dụng mức lãi suất là 1,125%/tháng, số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: Vốn 32.937.000 đồng x 1,125%/tháng x 15 tháng 13 ngày (từ ngày 11/02/2017 đến ngày 24/5/2018) = 5.718.685 đồng. Vào ngày 24/5/2018 bị đơn đã trả được 10.000.000 đồng nên được cấn trừ vào tiền lãi 5.718.685 đồng, còn lại 4.281.315 đồng được tiếp tục trừ vào vốn 32.937.000 đồng, số tiền vốn còn nợ vào ngày 24/5/2018 là 28.655.685 đồng. Tiền vốn 28.655.685 đồng x 1,125%/tháng x 26 tháng 19 ngày (tính từ ngày 25/5/2018 đến ngày 13/8/2020) = 8.585.947 đồng. Như vậy, số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả như sau: Vốn 28.655.685 đồng + lãi 8.585.947 đồng = 37.241.632 đồng.

[2.5] Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông T, bà A có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 37.241.632 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền chênh lệch 18.659.044 đồng.

[2.6] Về thời gian trả nợ: Các đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ và thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông T, bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, trong đó mỗi người chịu 50% án phí, riêng bà A là người cao tuổi nên được miễn án phí, phần án phí còn lại ông T có nghĩa vụ nộp. Phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì nguyên đơn phải chịu án phí.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1, khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, khoản 2 Điều 305 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ về việc đòi bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị A trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ.

Buộc bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ số tiền còn nợ 37.241.632 đồng (trong đó vốn 28.655.685 đồng và lãi 8.585.947 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ về việc yêu cầu bị đơn ông T, bà A trả nợ với số tiền chênh lệch 18.659.044 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà A phải chịu án phí số tiền 1.862.080 đồng, trong đó mỗi người có nghĩa vụ nộp 50%, bà A là người cao tuổi nên được miễn nộp 931.040 đồng, ông T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 931.040 đồng.

Buộc nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vạn Hưng Đ phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 932.952 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.228.000 đồng theo biên lai thu số 0009915 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 295.048 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp